

**Quyết định giám đốc thẩm**

Số: 92/2021/DS-GĐT

Ngày 22/9/2021

V/v “*Tranh chấp chia tài sản chung  
và chia di sản thừa kế*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
ỦY BAN THẨM PHÁN  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến.

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Tuấn và ông Đặng Kim Nhân.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy Kiều - Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên  
tòa:*** Bà Bùi Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung và chia di sản thừa kế*” giữa:

1. Nguyên đơn: cụ Lê Thị L; cư trú: Khu phố X, Phường V, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Trần Thị Hoàng M; cư trú: T, Khu phố K, Phường M, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (theo văn bản ủy quyền ngày 13/12/2019).

2. Bị đơn: ông Nguyễn Hữu H; cư trú: T, quận H Châu, thành phố Đà Nẵng; địa chỉ liên hệ: P, phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

. Ông Nguyễn Hữu Ph; cư trú: Tổ H, Khu phố X, phường B, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Trần Thị Hoàng M; cư trú: T, Khu phố K, Phường M, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (theo văn bản ủy quyền ngày 02/12/2019).

. Bà Nguyễn Thị Thu Ng; cư trú: P, phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

. Ông Nguyễn Hữu H1; cư trú: L, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng.

. Bà Nguyễn Thị Ngọc H2; cư trú: B, Khu phố X, Phường V, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

. Bà Nguyễn Thị L; cư trú: thôn S, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo Đơn khởi kiện ngày 25/9/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là cụ Lê Thị L trình bày: Cụ và Cụ Nguyễn Hữu D chung sống sinh được 06 người con, gồm: Nguyễn Hữu Ph, Nguyễn Thị Thu Ng, Nguyễn Hữu H, Nguyễn Hữu H1, Nguyễn Thị Ngọc H2 và Nguyễn Hữu L1 (chết năm 1986). Ngoài ra, cụ Nguyễn Hữu D có 01 người con riêng là Nguyễn Thị L. Bố mẹ của cụ Nguyễn Hữu D là cụ ông Nguyễn Hữu Hòa và cụ bà Hồ Thị Nhường đều chết trước năm 1976.

Trong quá trình chung sống Cụ và cụ D có tạo lập được tài sản là quyền sử dụng đất có diện tích đất ở 1652,0 m<sup>2</sup> tại Khu phố X, Phường V, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 614729 ngày 13/01/2006, tên người sử dụng đất là chủ hộ ông Nguyễn Hữu D và vợ Lê Thị L. Tại thời điểm được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ cụ Lê Thị L gồm có bốn thành viên: cụ Nguyễn Hữu D, cụ Lê Thị L và hai con là Nguyễn Hữu Ph, Nguyễn Thị Ngọc H2. Ngoài ra, gắn liền với quyền sử dụng đất trên có một ngôi nhà cấp 4 do vợ chồng cụ L xây dựng để làm nhà ở cho cả gia đình.

Ngày 22/02/2007, cụ Nguyễn Hữu D chết, không để lại di chúc. Vừa qua, cụ Lê Thị L thực hiện quyền sử dụng đất của mình và gọi các con về để giàn xếp đối với di sản thừa kế là một phần quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Hữu D trong khối tài sản chung thì ông Nguyễn Hữu H không đồng ý.

Nay, cụ Lê Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

+ *Chia tài sản chung*: tại thời điểm vợ chồng Cụ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong hộ khẩu có tên ông Ph, bà H2 nhưng thực chất ông Ph, bà H2 đã có gia đình riêng, chưa tách hộ khẩu, nguồn gốc đất do vợ chồng Cụ tạo lập cho nên ông Ph và bà H2 không yêu cầu chia phần tài sản chung này mà xác định đó là khối tài sản chung của vợ chồng Cụ. Nay, Cụ yêu cầu chia đôi phần diện tích đất 1652,0 m<sup>2</sup> cho cụ D và Cụ, mỗi người được hưởng 826 m<sup>2</sup> và Cụ xin nhận phần đất trống không có ngôi nhà (phía sau ngôi nhà), trên phần diện tích đất đó có 08 m<sup>2</sup> Nhà nước thu hồi làm đường đi, khi nào có quyết định thu hồi thì Cụ đồng ý giao phần diện tích thu hồi đó.

+ *Chia thừa kế*: phần di sản là quyền sử dụng đất của cụ D để lại là 826m<sup>2</sup>, cụ D chết không để lại di chúc, Cụ yêu cầu chia theo quy định của pháp luật, trong đó đối với phần diện tích đất của Cụ được hưởng di sản của cụ D, thì Cụ có nguyện vọng cắt 43 m<sup>2</sup> làm lối đi cho phần diện tích đất của ông H, bà Ng được chia và thêm vào diện tích đất của ông H 03 m<sup>2</sup>, bà Ng 02 m<sup>2</sup> để thuận lợi trong việc tách thửa, diện tích đất còn lại thì nhập vào diện tích của ông Ph, bà L, ông H1 và bà H2

được chia.

Riêng đối với ngôi nhà trên đất là tài sản chung của Cụ và cụ D, Cụ yêu cầu chia đôi, Cụ có nguyện vọng nhận ngôi nhà để ở, làm nơi thờ cúng và thôi trả giá trị  $\frac{1}{2}$  ngôi nhà (phần của cụ D) cho các đồng thừa kế.

*Bị đơn là ông Nguyễn Hữu H trình bày:* đề nghị Tòa án thụ lý sơ thẩm cung cấp biên bản hay giấy tờ chứng minh rằng đã có cuộc họp phân chia tài sản mà mọi người đều đồng ý mà chỉ mình Ông phản đối. Ông không biết vì sao Ông lại trở thành bị đơn của vụ tranh chấp tài sản trong khi Ông không biết và không phản đối việc chia tài sản của nguyên đơn.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hữu Ph và bà Nguyễn Thị Ngọc H2 trình bày:* ông Ph và bà H2 xác nhận lời trình bày của cụ L về quan hệ thân nhân (tờ khai thừa kế) là hoàn toàn đúng. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Ph, bà H2 có ý kiến như sau tại thời điểm cụ D và cụ L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong hộ khẩu có tên ông Ph, bà H2 nhưng thực chất Ông, Bà đã có gia đình riêng, chưa tách hộ khẩu; nguồn gốc đất do bố, mẹ là cụ D và cụ L tạo lập (phù hợp với các tài liệu trích lục tại hồ sơ cấp Giấy CNQSDĐ) nên Ông, Bà không yêu cầu chia phần tài sản chung này mà xác định đó là khối tài sản chung của cụ D và cụ L, cụ thể là 1652,0m<sup>2</sup> đất và ngôi nhà trên đất hiện cụ L đang sinh sống. Ông, Bà đồng ý phương án chia đôi diện tích đất và ngôi nhà, trong đó giao cho cụ L được quyền sử dụng phần diện tích mà Cụ được hưởng trong khối tài sản chung vợ chồng (phần đất không có ngôi nhà), cụ D chết không để lại di chúc nên đối với di sản của Cụ để lại là phần diện tích đất 826 m<sup>2</sup> và  $\frac{1}{2}$  ngôi nhà thì chia theo pháp luật, phần đất và tài sản (*một phần ngôi nhà*) của Ông, Bà được chia, thì Ông, Bà có nguyện vọng giao lại cho cụ L ở và thờ cúng.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hữu H1 và bà Nguyễn Thị L trình bày:* ông H1, bà L xác nhận lời trình bày của cụ L về quan hệ thân nhân (tờ khai thừa kế) là hoàn toàn đúng. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông H1, bà L có ý kiến như sau Ông, Bà xác định tài sản chung của cụ D, cụ L là 1652,0 m<sup>2</sup> đất và ngôi nhà trên đất mà cụ L đang sinh sống, Ông, Bà đồng ý phương án cụ L đưa ra là giao cho cụ L nửa diện tích đất (phần đất trống không có ngôi nhà), ngôi nhà giao cho cụ L sinh sống và làm nơi thờ cúng, cụ D chết không để lại di chúc nên di sản của Cụ để lại là phần diện tích đất 826m<sup>2</sup> và  $\frac{1}{2}$  ngôi nhà được chia theo pháp luật; phần đất và tài sản (*một phần ngôi nhà*) của Ông, Bà được chia, Ông, Bà có nguyện vọng giao lại cho cụ L ở, chăm lo hương khói cho tổ tiên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thu Ng: quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm bà Ng vắng mặt nhưng có ý kiến bằng văn bản ngày 14/10/2019 gửi Tòa án, trong đó thể hiện Bà và ông H không đồng ý

bán mảnh vườn vì làm từ đường theo di nguyện của cha Bà.

**- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đ đã quyết định:**

Căn cứ Điều 33; khoản 2 Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 213, Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 623, Điều 649, Điều 650 và Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L.

Giao cho bà Lê Thị L được quyền sở hữu ngôi nhà và quyền sử dụng đất có diện tích 1.368m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 614729 ngày 13/01/2006 đã được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Đ cấp, tên người sử dụng đất: Chủ hộ ông Nguyễn Hữu D và tên vợ Lê Thị L, tại thửa số 212, tờ bản đồ số 13, địa chỉ thửa đất khu phố 5, Phường V, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Thửa đất có các cạnh:

+ Cạnh Tây - Bắc giáp các thửa đất liền kề (563, 188, 189, 341, 190 và 167) có chiều dài (11.97+ 6.00+ 3.30+ 1.70+ 11.84+ 1.98)m;

+ Cạnh Tây- Nam giáp đường khu vực và thửa đất số 227 (tờ bản đồ số 13) có chiều dài (14.70+ 15.44+ 11.83)m.

+ Cạnh Đông - Nam giáp thửa đất liền kề số 245, có chiều dài (18.04 + 2.66 + 4.78)m; giáp đất bà Nguyễn Thị Thu Ng có chiều dài 20.00m và giáp phần đất giao cho ông H, bà Ng làm đường đi chung dài 3,0m;

+ Cạnh Đông - Bắc giáp các thửa đất liền kề số (226 và 473), có chiều dài 21,35m; giáp phần đất giao cho ông H, bà Ng làm đường đi chung dài 4,50m; giáp đất ông Nguyễn Hữu H 6.20m và giáp đất bà Nguyễn Thị Thu Ng 6.20m.

Trong diện tích bà L sử dụng, có 08m<sup>2</sup> nằm trong diện thu hồi làm đường đi, bà L phải có nghĩa vụ giao khi có quyết định thu hồi của Nhà nước.

Giao cho ông Nguyễn Hữu H quyền sử dụng đất có diện tích 121m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 614729 ngày 13/01/2006, đã được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Đ cấp, tên người sử dụng đất: Chủ hộ ông Nguyễn Hữu D và tên vợ Lê Thị L, tại thửa số 212, tờ bản đồ số 13, địa chỉ thửa đất khu phố 5, Phường V, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Thửa đất có các cạnh:

+ Cạnh Đông - Nam giáp các thửa đất liền kề số (228, 234), có chiều dài (13.35+6.65+0.15)m;

+ Cạnh Tây - Nam giáp thửa đất bà Lê Thị L có chiều rộng 6.20m;

+ Cạnh Tây - Bắc giáp thửa đất bà Nguyễn Thị Thu Ng có chiều dài 20.00m;

+ Cạnh Đông - Bắc giáp thửa đất được giao làm đường đi chung giữa ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Thu Ng có chiều rộng 6.20m.

Giao cho bà Nguyễn Thị Thu Ng quyền sử dụng đất có diện tích 120m<sup>2</sup> theo

*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 614729 ngày 13/01/2006, đã được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Đ cấp, tên người sử dụng đất: Chủ hộ ông Nguyễn Hữu D và tên vợ Lê Thị L, tại thửa số 212, tờ bản đồ số 13, địa chỉ thửa đất khu phố 5, Phường V, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.*

*Thửa đất có các cạnh:*

- + Cạnh Đông - Nam giáp thửa đất ông Nguyễn Hữu H, có chiều dài 20.00m,*
- + Cạnh Tây - Nam giáp thửa đất bà Lê Thị L có chiều rộng 6.20m;*
- + Cạnh Tây - Bắc giáp thửa đất bà Lê Thị L có chiều dài 20.00m;*
- + Cạnh Đông - Bắc giáp thửa đất được giao làm đường đi chung giữa ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Thu Ng có chiều rộng 6.20m.*

*Giao cho bà Nguyễn Thị Thu Ng và ông Nguyễn Hữu H quyền sử dụng đất có diện tích 43m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 614729 ngày 13/01/2006, đã được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Đ cấp, tên người sử dụng đất: Chủ hộ ông Nguyễn Hữu D và tên vợ Lê Thị L, tại thửa số 212, tờ bản đồ số 13, địa chỉ thửa đất khu phố 5, Phường V, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị để làm đường đi chung vào 02 lô đất của ông H và bà Ng.*

*Thửa đất có các cạnh:*

- + Cạnh Đông - Nam giáp thửa đất số 234, có chiều ngang 3.1m.*
- + Cạnh Tây - Nam giáp thửa đất bà Lê Thị L có chiều rộng 4.50m; giáp đất ông H 6.20m, giáp đất bà Ng 6.20m.*
- + Cạnh Tây - Bắc giáp thửa đất bà Lê Thị L có chiều ngang 03m;*
- + Cạnh Đông - Bắc giáp thửa đất số 227 (tờ bản đồ số 14) có chiều dài (13.44 + 2.56)m.*

*Bà Lê Thị L có nghĩa vụ tháo dỡ mái che (trên phần sân) diện tích 07m<sup>2</sup> để mở đường đi chung.*

*Bà Lê Thị L có nghĩa vụ giao cho anh Nguyễn Hữu H số tiền 28.501.942 đồng và giao cho chị Nguyễn Thị Thu Ng số tiền 28.501.942 đồng.*

*Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.*

*Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí; chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản; quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.*

*- Ngày 19/10/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thu Ng kháng cáo bản án sơ thẩm.*

***Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 13/2021/DS-PT ngày 22/3/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:***

*Căn cứ vào khoản 4 Điều 308; Điều 311 của Bộ luật Tố tụng dân sự.*

*Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án*

*nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 36/2020/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2020 về việc “Chia tài sản chung và chia di sản thừa kế” giữa nguyên đơn bà Lê Thị L với bị đơn ông Nguyễn Hữu H.*

*Bà Lê Thị L có quyền khởi kiện vụ án khi đủ điều kiện khởi kiện theo đúng quy định của pháp luật.*

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

- Ngày 08/6/2021, nguyên đơn là cụ Lê Thị L có đơn đề nghị xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị số 34/KN-DS ngày 30/8/2021, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 13/2021/DS-PT ngày 22/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, đề nghị: Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 13/2021/DS-PT ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm nêu trên của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về nguồn gốc tài sản:* quá trình chung sống, cụ D và cụ L có tạo lập được tài sản là quyền sử dụng đất có diện tích đất ở 1652,0 m<sup>2</sup> tại Khu phố X, Phường V, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 614729 ngày 13/01/2006 và tài sản trên đất là một ngôi nhà có diện tích 86 m<sup>2</sup> theo nội dung Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/01/2020 của Tòa nhân thành phố Đ (bút lục 100,101). Như vậy, di sản của cụ D là ½ khối tài sản trên.

[2] *Về hàng thừa kế:* ngày 22/02/2007, cụ Nguyễn Hữu D chết (bút lục 02) và không để lại di chúc. Do đó, hàng thừa kế của cụ D theo pháp luật gồm: Cụ L (vợ), ông Ph, bà Ng, ông H, ông H1, bà H2 (các con chung) và bà L (con riêng) theo Đơn xin xác nhận ngày 06/8/2019 được Ủy ban nhân dân Phường V, thành phố Đ xác nhận (bút lục 06) và Tờ khai thừa kế có Ủy ban nhân dân Phường V chứng thực ngày 26/02/2020 (bút lục 03).

[3] *Về yêu cầu khởi kiện:* căn cứ vào Đơn khởi kiện ngày 25/9/2019 thì nguyên đơn là cụ Lê Thị L có hai yêu cầu Tòa án giải quyết, đó là chia tài sản chung của Cụ và Cụ D, đồng thời chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của cụ D để lại như trên (bút lục 01). Tại Đơn khởi kiện đề ngày 25/9/2019, cụ Lê Thị L khởi

kiện ông Nguyễn Hữu H. Theo khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Bị đơn trong vụ án dân sự là người bị nguyên đơn khởi kiện...*”, do đó tại Thông báo về việc thụ lý vụ án số 167/2019/TBTL-VA ngày 04/10/2019, Tòa án nhân dân thành phố Đ xác định ông Nguyễn Hữu H là bị đơn là đúng với quy định trên và ngày 22/10/2019, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án nêu trên cho ông Nguyễn Hữu H (bút lục 22). Theo quy định tại khoản 1 Điều 219 của Bộ luật Dân sự: “*Trường hợp sở hữu chung có thể phân chia thì mỗi chủ sở hữu chung đều có quyền yêu cầu chia tài sản chung...*”; theo quy định của Bộ luật Dân sự, tại Điều 614: “*Kể từ thời điểm mở thừa kế, những người thừa kế có các quyền, nghĩa vụ tài sản do người chết để lại*”, tại khoản 2 Điều 660: “*Những người thừa kế có quyền yêu cầu phân chia di sản bằng hiện vật, nếu không thể chia đều bằng hiện vật thì những người thừa kế có thể thỏa thuận về việc định giá hiện vật và thỏa thuận về người nhận hiện vật; nếu không thỏa thuận được thì hiện vật được bán để chia*”, tại khoản 1 Điều 623: “*Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản...*”; từ những quy định trên cho thấy cụ L có quyền yêu cầu chia tài sản chung, chia di sản; đây là quyền dân sự được pháp luật bảo vệ và cụ L có quyền khởi kiện vụ án tại Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Việc Tòa án cấp phúc thẩm nhận định: “*Hiện tại khối tài sản gồm nhà và đất hoàn toàn do bà Lê Thị L quản lý, sử dụng. Chưa có thành viên nào trong gia đình tranh giành đòi chia tài sản và chưa có thành viên nào có hành vi ngăn cản hay không đồng ý việc bà L thực hiện việc phân chia hay chuyển nhượng quyền sử dụng đất.... Do đó, quyền lợi của bà L chưa bị xâm phạm, theo quy định tại khoản 1 Điều 4; Điều 186 BLTTDS thì bà Lê Thị L chưa đủ điều kiện khởi kiện vụ án dân sự*” là có sự sai lầm trong việc hiểu và áp dụng pháp luật như đã phân tích trên, cũng như không phù hợp với quy định về điều kiện khởi kiện tại điểm b khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự, theo đó *chưa đủ điều kiện khởi kiện là trường hợp pháp luật có quy định về các điều kiện khởi kiện nhưng người khởi kiện đã khởi kiện đến Tòa án còn thiếu một trong các điều kiện đó.*

[5] Tương tự, đối với nhận định của Tòa án phúc thẩm cho rằng: “*Tại biên bản ghi lời khai ngày 21/01/2021 và biên bản làm việc ngày 15/3/2021 (có xác nhận của chính quyền địa phương) bà L khẳng định không khởi kiện đứa con nào hết. Bà chỉ yêu cầu phân chia tài sản cho bà để đảm bảo cuộc sống hiện tại, việc khởi kiện ông H sau này đến cấp phúc thẩm bà L mới biết*” là cũng không chính xác, chưa kể đến, tại nội dung Biên bản làm việc ngày 15/3/2021 (bút lục 215), cụ L còn trả lời các câu hỏi khác của Thẩm phán, cụ thể như sau: “*Vì sao bà khởi kiện ra Tòa án? Vì khởi kiện mới phân chia tài sản được*”; “*Vì sao bà khởi kiện bị đơn anh H? Vì H và Ng là 02 người không đồng ý. Tôi điện không được cho H và H*

*không liên lạc với tôi. Tôi chỉ nghe Ng nói là H không đồng ý” và tại nội dung Đơn đề nghị xét xử nhanh vụ án tranh chấp chia tài sản chung và chia di sản cụ L đề ngày 22/01/2021 (bút lục 217) gửi Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, cũng thể hiện: “Sau khi suy nghĩ kỹ lại tôi thấy rằng trước đây việc này đã được hòa giải trong gia đình rất nhiều lần, Tòa án thành phố Đ cũng đã hòa giải nhưng không thành dẫn đến vụ án này đã kéo dài hơn một năm. Nay Tòa án Tỉnh có muốn hòa giải nữa e cũng vậy mà thôi, chỉ tốn thêm thời gian. Tôi nay tuổi đã cao, sức yếu và rất nhiều bệnh tật, cần có tiền để chữa bệnh, trang trải trong cuộc sống của tôi và đặc biệt là không muốn phụ thuộc và cá nhân nào, đồng thời tôi cũng rất muốn phân định rõ ràng tài sản cho từng thành viên trong gia đình phòng sau nay khi tôi có vấn đề gì sẽ xảy ra nhiều việc không hay ảnh hưởng đến gia đình”; qua đó cho thấy việc trích dẫn nêu trên của Tòa án cấp phúc thẩm là không đầy đủ, toàn diện, không thể hiện đúng ý chí của nguyên đơn.*

[6] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, đúng hàng thừa kế cũng như di sản; đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của những đương sự về việc giao phần di sản mà họ được hưởng cho cụ L (các ông, bà Ph, H1, H2, L đồng ý với bản án sơ thẩm). Đối với phần di sản mà ông H và bà Ng được hưởng, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ và chia phần hiện vật cho ông H, bà Ng đảm bảo thi hành án, đất có lối đi, tứ cận rõ ràng.

Từ những phân tích trên, cho thấy Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị và đình chỉ giải quyết vụ án là có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Hội đồng xét xử giám đốc thẩm xét thấy cần chấp nhận Quyết định kháng nghị số 34/KN-DS ngày 30/8/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

[7] Về án phí: Do hủy Bản án dân sự phúc thẩm nên người kháng cáo là bà Nguyễn Thị Thu Ng phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 6, khoản 7, Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 2 Điều 343, Điều 344, Điều 348 và Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 34/2021/KN-DS ngày 30/8/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 13/2021/DS-PT ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị về vụ án “*Tranh chấp chia tài sản*



*chung và chia di sản thừa kế”*, giữa nguyên đơn là cụ Lê Thị L với bị đơn là ông Nguyễn Hữu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

3. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 6, khoản 7, Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị Thu Ng phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng mà bà Ng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai số 0000814 ngày 28/9/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Trường hợp bà Ng đã nhận lại số tiền nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo quyết định của Bản án dân sự phúc thẩm, thì bà Ng phải nộp lại số tiền án phí dân sự phúc thẩm mà bà Ng phải chịu là 300.000 đồng.

4. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra Quyết định.

**Nơi nhận:**

- Viện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị;
- Tòa án nhân dân Tp Đ, tỉnh Quảng Trị;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ; Phòng GDKT về DS-LĐ-KDTM và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Tiến**